

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2024

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Phan Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà H’Ra Chen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1960 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiếp Th, sinh năm 1954 – vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 5, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà Lê Thị N kết hôn với ông Nguyễn Tiếp Th năm 2019, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đánh đập nhau nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, nên không tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết nên bà và ông Th đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, ông Th đã bỏ đi khỏi địa

phương.

Ngày 15/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã tuyên bố mất tích đối với ông Nguyễn Tiếp Th.

Bà N cho rằng tình cảm đối với ông Th không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với ông Th.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông Th không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Tiếp Th nhưng ông Th vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Tiếp Th.

Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001102 ngày 06/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiếp Th có nơi cư trú tại thôn 5, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của bà N với ông Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 16/4/2019, bà Lê Thị N và ông Nguyễn Tiếp Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Th là hợp pháp.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Th đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, bà N cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà N và ông Th đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, ông Th đã bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì và đã bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức tuyên bố mất tích. Bà N khẳng định hiện nay không còn tình cảm với ông Th. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N với ông Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông Th không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Tiếp Th.

2. Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0001102 ngày 06/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Đắk Buk So;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

